

Số: 44 /QĐ-UBND

Kiên Hải, ngày 19 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai dự toán năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về phân bổ nguồn chi đặc thù, chi khác ngân sách huyện, giữ 1% kinh phí khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp và định mức chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kiên Hải tại Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19 tháng 01 năm 2023 về việc công bố, công khai dự toán năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, theo biểu đính kèm.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, Hiệu trưởng các điểm trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã cùng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, ptckh.



Nguyễn Quốc Tuấn



Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	279.289.000.000
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	4.130.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	2.150.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	1.980.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.159.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	131.317.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	45.543.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	98.299.000.000
III	Thu kết dư	0
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	279.289.000.000
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	279.289.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000
2	Chi thường xuyên	177.441.000.000
3	Dự phòng ngân sách	3.549.000.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi bổ sung Ngân sách Xã	0
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0





Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NS CẤP HUYỆN VÀ NS XÃ NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số **44** /QĐ-UBND ngày **19/11** /2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	279.289.000.000
I	Nguồn thu ngân sách	279.289.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.130.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.159.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	131.317.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	45.543.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	98.299.000.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	279.289.000.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	279.289.000.000
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	0
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	24.605.000.000
I	Nguồn thu ngân sách	24.605.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	760.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	23.845.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	23.107.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	738.000.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	24.605.000.000





ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **44** /QĐ-UBND ngày **19/11** /2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	11.540.000.000	4.970.000.000
I	Thu nội địa	11.540.000.000	4.970.000.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	150.000.000	0
	(Thuế VAT)	150.000.000	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	2.200.000.000	1.980.000.000
	- Thuế VAT	2.050.000.000	1.845.000.000
	- Thuế TNDN	150.000.000	135.000.000
	- Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	- Thuế VAT		
	- Thuế TNDN		
	- Thuế TTĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước		
	- Thuế tài nguyên		
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.140.000.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	1.600.000.000	1.280.000.000
8	Thu phí và lệ phí	500.000.000	340.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	40.000.000	
12	Thu tiền sử dụng đất	2.200.000.000	1.320.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách huyện	50.000.000	50.000.000
17	Các khoản thu tại xã	160.000.000	
18	Thuế phạt ATGT	500.000.000	
II	Thu viện trợ		



Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NS HUYỆN, CHI NS CẤP HUYỆN VÀ CHI NS XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-UBND ngày 19/01 /2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000	279.289.000.000	24.605.000.000
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000	279.289.000.000	24.605.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000	98.299.000.000	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	98.299.000.000	98.299.000.000	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	480.000.000	480.000.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.625.000.000	27.625.000.000	
-	Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối ngân sách	15.502.000.000	15.502.000.000	
-	Chi nguồn vốn GTNT	32.932.000.000	32.932.000.000	
-	Vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới	21.660.000.000	21.660.000.000	
-	Chi nhà tình nghĩa	100.000.000	100.000.000	
II	Chi thường xuyên	201.563.543.000	177.441.000.000	24.122.543.000
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	42.514.000.000	42.514.000.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
III	Dự phòng ngân sách	4.031.457.000	3.549.000.000	482.457.000
V	Chi bổ sung Ngân sách Xã	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	0
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	24.605.000.000
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	279.289.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	98.299.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.889.000.000
	Chi y tế, dân số và gia đình	3.500.000.000
	Chi văn hóa thông tin	1.291.000.000
	Chi các hoạt động kinh tế	56.629.000.000
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	20.890.000.000
	Chi đầu tư phát triển khác	100.000.000
II	Chi thường xuyên	177.441.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	42.514.000.000
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp khác	1.547.000.000
4	Chi y tế, dân số và gia đình	17.838.000.000
5	Chi văn hóa thông tin	2.099.000.000
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	280.764.000
7	Chi thể dục thể thao	188.836.000
8	Chi bảo vệ môi trường	3.200.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	22.507.000.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.793.369.000
11	Chi bảo đảm xã hội	2.920.031.000
12	Chi an ninh quốc phòng địa phương	1.796.000.000
13	Chi khác ngân sách	736.000.000
14	Chi khen thưởng	285.000.000
15	Chi mua sắm sửa chữa	736.000.000
16	Chi trợ giá trợ cước	50.000.000.000
III	Dự phòng ngân sách	3.549.000.000
IV	Bổ sung mục tiêu	0
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	BỔ SUNG MỤC TIÊU (Đa loại trừ nguồn tiền lương tăng theo niên hạn)	CHI BS CÂN ĐỐI NS XÃ	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	303.894.000.000	76.639.000.000	129.185.101.000	3.549.000.000	41.062.899.000	23.107.000.000	8.691.000.000	21.660.000.000	21.660.000.000	0	0
A	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	252.089.101.000	76.639.000.000	129.185.101.000	0	1.498.000.000	23.107.000.000	0	21.660.000.000	21.660.000.000	0	0
1	Cấp Huyện	227.484.101.000	76.639.000.000	129.185.101.000								
1	VP huyện ủy (khối đảng)	9.377.464.000		9.377.464.000								
2	TT Bồi dưỡng chính trị	1.172.655.000		1.172.655.000								
3	Ủy ban Mặt trận TQ	940.362.000		940.362.000								
4	Hội Nông dân	966.995.000		966.995.000								
5	Hội liên hiệp phụ nữ	774.624.000		774.624.000								
6	Huyện Đoàn	808.801.000		808.801.000								
7	Hội cựu chiến binh	589.682.000		589.682.000								
8	VP HĐND - UBND huyện	5.742.854.000		5.742.854.000								
9	Tài chính - Kế hoạch	1.143.368.000		1.143.368.000								
10	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.570.694.000		1.570.694.000								
11	Thanh tra	937.088.000		937.088.000								
12	Tư pháp	576.019.000		576.019.000								
13	Nội vụ	1.198.019.000		1.198.019.000								
14	Lao động TB & XH	3.677.738.000		3.677.738.000								
15	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.077.810.000		1.077.810.000								
16	P. Văn hóa & Thông tin	598.350.000		598.350.000								
17	Phòng Giáo dục & ĐT	1.747.134.000		1.747.134.000								
18	Hội chữ thập đỏ	472.219.000		472.219.000								
19	Hội người cao tuổi	168.181.000		168.181.000								
20	Hội khuyến học	179.492.000		179.492.000								
21	Công an huyện	278.500.000		278.500.000								
22	Ban Chỉ huy Quân sự	1.806.400.000		1.806.400.000								
23	TT văn hóa thể thao và truyền thanh	1.884.048.000		1.884.048.000								
24	BQL dự án đầu tư xây dựng	98.299.000.000	76.639.000.000						21.660.000.000	21.660.000.000		
25	TT Y tế huyện	14.973.725.000		14.973.725.000								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	BỘ SUNG MỤC TIÊU (Đã loại trừ nguồn tiền lương tăng theo niên hạn)	CHI BS CÂN ĐỐI NS XÃ	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	BĐH Nhà Máy điện	41.387.625.000		41.387.625.000								
27	Trường Mầm Non Sao Mai	3.331.204.000		3.331.204.000								
28	Trường TH Hòn Tre	7.189.672.000		7.189.672.000								
29	Trường TH Trần Quốc Toản	7.576.325.000		7.576.325.000								
30	Trường TH An Sơn	6.086.393.000		6.086.393.000								
31	Trường THCS An Sơn	4.001.547.000		4.001.547.000								
32	Trường TH & THCS Nam Du	6.950.113.000		6.950.113.000								
II	Cấp Xã	24.605.000.000		0	0	1.498.000.000	23.107.000.000					
35	UBND xã Hòn Tre	6.010.526.000				414.156.000	5.596.370.000					
36	UBND xã Lại Sơn	6.434.025.000				420.933.000	6.013.092.000					
37	UBND Xã An Sơn	6.104.281.000				245.638.000	5.858.643.000					
38	UBND Xã Nam Du	6.056.168.000				417.273.000	5.638.895.000					
B	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	3.549.000.000			3.549.000.000							
C	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	8.691.000.000						8.691.000.000				
D	Các khoản khác BSMT	39.564.899.000				39.564.899.000						
E	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI NS XÃ	0										
F	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NS NĂM SAU	0										

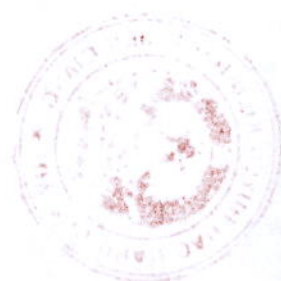


ĐU TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-UBND ngày 19/01 /2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											CHI ĐTPT khác
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	98.299.000.000	15.889.000.000	0	3.500.000.000	1.291.000.000	0	0	0	33.412.000.000	0	0	15.502.000.000	28.705.000.000
1	BQL DA ĐT-XD huyện	97.819.000.000	15.889.000.000		3.500.000.000	1.291.000.000				32.932.000.000			15.502.000.000	28.705.000.000
1	UBND các xã	480.000.000								480.000.000				





DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	303.894.000.000	52.280.461.000	0	18.473.725.000	2.802.748.000	192.090.000	180.210.000	0	103.415.000.000	32.932.000.000	108.000.000	121.544.866.000	2.084.900.000	2.920.000.000
1	VP huyện ủy (khỏi đảng)	9.377.464.000											9.377.464.000		
2	TT Bồi dưỡng chính trị	1.172.655.000	712.000.000										460.655.000		
3	Ủy ban Mặt trận TQ	940.362.000											940.362.000		
4	Hội Nông dân	966.995.000											966.995.000		
5	Hội liên hiệp phụ nữ	774.624.000											774.624.000		
6	Huyện Đoàn	808.801.000											808.801.000		
7	Hội cựu chiến binh	589.682.000											589.682.000		
8	VP HĐND - UBND huyện	5.742.854.000											5.742.854.000		
9	Tài chính - Kế hoạch	1.143.368.000								150.000.000			993.368.000		
10	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.570.694.000								540.000.000			1.030.694.000		
11	Thanh tra	937.088.000											937.088.000		
12	Tư pháp	576.019.000											576.019.000		
13	Nội vụ	1.198.019.000											1.198.019.000		
14	Lao động TB & XH	3.677.738.000											757.738.000		2.920.000.000
15	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.077.810.000								108.000.000		108.000.000	969.810.000		
16	P. Văn hóa & Thông tin	598.350.000											598.350.000		
17	Phòng Giáo dục & ĐT	1.747.134.000	544.207.000										1.202.927.000		
18	Hội chữ thập đỏ	472.219.000											472.219.000		
19	Hội người cao tuổi	168.181.000											168.181.000		
20	Hội khuyến học	179.492.000											179.492.000		
21	Công an huyện	278.500.000												278.500.000	
22	Ban Chỉ huy Quân sự	1.806.400.000												1.806.400.000	
23	TT văn hóa thể thao, truyền thanh	1.884.048.000				1.511.748.000	192.090.000	180.210.000							
24	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực	98.299.000.000	15.889.000.000		3.500.000.000	1.291.000.000				62.117.000.000	32.932.000.000		15.502.000.000		
25	TT Y tế huyện	14.973.725.000			14.973.725.000										
26	BDH Nhà Máy điện	41.387.625.000								40.500.000.000			887.625.000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
27	Trường Mầm Non Sao Mai	3.331.204.000	3.331.204.000												
28	Trường TH Hòn Tre	7.189.672.000	7.189.672.000												
29	Trường TH Trần Quốc Toán	7.576.325.000	7.576.325.000												
30	Trường TH An Sơn	6.086.393.000	6.086.393.000												
31	Trường THCS An Sơn	4.001.547.000	4.001.547.000												
32	Trường TH & THCS Nam Du	6.950.113.000	6.950.113.000												
33	BQL thu gom rác thải và vệ sinh môi trường	0													
34	UBND xã Lại Sơn	6.434.025.000													
35	UBND Xã An Sơn	6.104.281.000											6.434.025.000		
36	UBND Xã Nam Du	6.056.168.000											6.104.281.000		
37	Chi dự phòng	3.549.000.000											6.056.168.000		
38	CCTL	8.691.000.000											3.549.000.000		
39	Chi bổ sung mục tiêu các nhiệm vụ	39.564.899.000											8.691.000.000		
													39.564.899.000		



Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-UBND ngày 19/01 /2023 của UBND huyện Kiên Hải)

Đơn vị: Đồng

Đơn vị: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung mục tiêu	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu NS xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4.520.000.000	760.000.000	0	760.000.000	23.107.000.000	738.000.000	0	24.605.000.000
01	UBND xã Hòn Tre	810.000.000	146.000.000		146.000.000	5.596.370.000	268.156.000		6.010.526.000
05	UBND xã Lại Sơn	2.110.000.000	358.000.000		358.000.000	6.013.092.000	62.933.000		6.434.025.000
06	UBND Xã An Sơn	1.060.000.000	160.000.000		160.000.000	5.858.643.000	85.638.000		6.104.281.000
07	UBND Xã Nam Du	540.000.000	96.000.000		96.000.000	5.638.895.000	321.273.000		6.056.168.000

Số: 08/TT-PTCKH

Kiên Hải, ngày 19 tháng 01 năm 2023



TỜ TRÌNH
Về việc công bố công khai dự toán năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về phân bổ nguồn chi đặc thù, chi khác ngân sách huyện, giữ 1% kinh phí khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp và định mức chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

Nay Phòng Tài chính - Kế hoạch làm Tờ trình đến TT. UBND huyện về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện, các điểm trường và UBND các xã;

(Có bảng chi tiết kèm theo)

Vậy phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 cho các đơn vị nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Vĩnh Quang

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	279.289.000.000
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	4.130.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	2.150.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	1.980.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.159.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	131.317.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	45.543.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	98.299.000.000
III	Thu kết dư	0
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	279.289.000.000
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	279.289.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000
2	Chi thường xuyên	177.441.000.000
3	Dự phòng ngân sách	3.549.000.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi bổ sung Ngân sách Xã	0
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0

UBND HUYỆN KIÊN HẢI
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NS CẤP HUYỆN VÀ NS XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08 /TTr-PTCKH ngày 19 /01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	279.289.000.000
I	Nguồn thu ngân sách	279.289.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.130.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.159.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	131.317.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	45.543.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu XDCB	98.299.000.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	279.289.000.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	279.289.000.000
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	0
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	24.605.000.000
I	Nguồn thu ngân sách	24.605.000.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	760.000.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	23.845.000.000
-	Thu bổ sung cân đối	23.107.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	738.000.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	24.605.000.000

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 09/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	11.540.000.000	4.970.000.000
I	Thu nội địa	11.540.000.000	4.970.000.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	150.000.000	0
	(Thuế VAT)	150.000.000	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	2.200.000.000	1.980.000.000
	- Thuế VAT	2.050.000.000	1.845.000.000
	- Thuế TNDN	150.000.000	135.000.000
	- Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	- Thuế VAT		
	- Thuế TNDN		
	- Thuế TTĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước		
	- Thuế tài nguyên		
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.140.000.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	1.600.000.000	1.280.000.000
8	Thu phí và lệ phí	500.000.000	340.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	40.000.000	
12	Thu tiền sử dụng đất	2.200.000.000	1.320.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách huyện	50.000.000	50.000.000
17	Các khoản thu tại xã	160.000.000	
18	Thuế phạt ATGT	500.000.000	
II	Thu viện trợ		

UBND HUYỆN KIÊN HẢI
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NS HUYỆN, CHI NS CẤP HUYỆN VÀ CHI NS XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000	279.289.000.000	24.605.000.000
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000	279.289.000.000	24.605.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000	98.299.000.000	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	98.299.000.000	98.299.000.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	480.000.000	480.000.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.625.000.000	27.625.000.000	
-	Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối ngân sách	15.502.000.000	15.502.000.000	
-	Chi nguồn vốn GTNT	32.932.000.000	32.932.000.000	
-	Vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới	21.660.000.000	21.660.000.000	
-	Chi nhà tình nghĩa	100.000.000	100.000.000	
II	Chi thường xuyên	201.563.543.000	177.441.000.000	24.122.543.000
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	42.514.000.000	42.514.000.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
III	Dự phòng ngân sách	4.031.457.000	3.549.000.000	482.457.000

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	303.894.000.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	24.605.000.000
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	279.289.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	98.299.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	98.299.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.889.000.000
	Chi y tế, dân số và gia đình	3.500.000.000
	Chi văn hóa thông tin	1.291.000.000
	Chi các hoạt động kinh tế	56.629.000.000
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	20.890.000.000
	Chi đầu tư phát triển khác	100.000.000
II	Chi thường xuyên	177.441.000.000
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	42.514.000.000
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp khác	1.547.000.000
4	Chi y tế, dân số và gia đình	17.838.000.000
5	Chi văn hóa thông tin	2.099.000.000
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	280.764.000
7	Chi thể dục thể thao	188.836.000
8	Chi bảo vệ môi trường	3.200.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	22.507.000.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.793.369.000
11	Chi bảo đảm xã hội	2.920.031.000
12	Chi an ninh quốc phòng địa phương	1.796.000.000
13	Chi khác ngân sách	736.000.000
14	Chi khen thưởng	285.000.000
15	Chi mua sắm sửa chữa	736.000.000
16	Chi trợ giá trợ cước	50.000.000.000
III	Dự phòng ngân sách	3.549.000.000
IV	Bổ sung mục tiêu	0
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	BỔ SUNG MỤC TIÊU (Đã loại trừ nguồn tiền lương tăng theo niên hạn)	CHI BS CÂN ĐỐI NS XÃ	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	303.894.000.000	76.639.000.000	129.185.101.000	3.549.000.000	41.062.899.000	23.107.000.000	8.691.000.000	21.660.000.000	21.660.000.000	0	0
A	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	252.089.101.000	76.639.000.000	129.185.101.000	0	1.498.000.000	23.107.000.000	0	21.660.000.000	21.660.000.000	0	0
I	Cấp Huyện	227.484.101.000	76.639.000.000	129.185.101.000								
1	VP huyện ủy (khỏi đảng)	9.377.464.000		9.377.464.000								
2	TT Bồi dưỡng chính trị	1.172.655.000		1.172.655.000								
3	Ủy ban Mặt trận TQ	940.362.000		940.362.000								
4	Hội Nông dân	966.995.000		966.995.000								
5	Hội liên hiệp phụ nữ	774.624.000		774.624.000								
6	Huyện Đoàn	808.801.000		808.801.000								
7	Hội cựu chiến binh	589.682.000		589.682.000								
8	VP HĐND - UBND huyện	5.742.854.000		5.742.854.000								
9	Tài chính - Kế hoạch	1.143.368.000		1.143.368.000								
10	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.570.694.000		1.570.694.000								
11	Thanh tra	937.088.000		937.088.000								
12	Tư pháp	576.019.000		576.019.000								
13	Nội vụ	1.198.019.000		1.198.019.000								
14	Lao động TB & XH	3.677.738.000		3.677.738.000								
15	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.077.810.000		1.077.810.000								
16	P. Văn hóa & Thông tin	598.350.000		598.350.000								
17	Phòng Giáo dục & ĐT	1.747.134.000		1.747.134.000								
18	Hội chữ thập đỏ	472.219.000		472.219.000								
19	Hội người cao tuổi	168.181.000		168.181.000								
20	Hội khuyến học	179.492.000		179.492.000								
21	Công an huyện	278.500.000		278.500.000								
22	Ban Chỉ huy Quân sự	1.806.400.000		1.806.400.000								
23	TT văn hóa thể thao và truyền thanh	1.884.048.000		1.884.048.000								
24	BQL dự án đầu tư xây dựng	98.299.000.000	76.639.000.000						21.660.000.000	21.660.000.000		
25	TT Y tế huyện	14.973.725.000		14.973.725.000								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	BỔ SUNG MỤC TIÊU (Đã loại trừ nguồn tiền lương tăng theo niên hạn)	CHI BS CÂN ĐỐI NS XÃ	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	BĐH Nhà Máy điện	41.387.625.000		41.387.625.000								
27	Trường Mầm Non Sao Mai	3.331.204.000		3.331.204.000								
28	Trường TH Hòn Tre	7.189.672.000		7.189.672.000								
29	Trường TH Trần Quốc Toản	7.576.325.000		7.576.325.000								
30	Trường TH An Sơn	6.086.393.000		6.086.393.000								
31	Trường THCS An Sơn	4.001.547.000		4.001.547.000								
32	Trường TH & THCS Nam Du	6.950.113.000		6.950.113.000								
II	Cấp Xã	24.605.000.000		0	0	1.498.000.000	23.107.000.000					
35	UBND xã Hòn Tre	6.010.526.000				414.156.000	5.596.370.000					
36	UBND xã Lại Sơn	6.434.025.000				420.933.000	6.013.092.000					
37	UBND Xã An Sơn	6.104.281.000				245.638.000	5.858.643.000					
38	UBND Xã Nam Du	6.056.168.000				417.273.000	5.638.895.000					
B	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	3.549.000.000			3.549.000.000							
C	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	8.691.000.000						8.691.000.000				
D	Các khoản khác BSMT	39.564.899.000				39.564.899.000						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 02/TTr-PTCKH ngày 19/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											Đơn vị: Đồng	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI ĐTPPT khác	
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ	98.299.000.000	15.889.000.000	0	3.500.000.000	1.291.000.000	0	0	0	33.412.000.000	0	0	15.502.000.000	28.705.000.000	
1	BQL DA ĐT-XD huyện	97.819.000.000	15.889.000.000		3.500.000.000	1.291.000.000				32.932.000.000			15.502.000.000	28.705.000.000	
1	UBND các xã	480.000.000								480.000.000					

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 02/TTr-PTCKH ngày 17/01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	303.894.000.000	52.280.461.000	0	18.473.725.000	2.802.748.000	192.090.000	180.210.000	0	103.415.000.000	32.932.000.000	108.000.000	121.544.866.000	2.084.900.000	2.920.000.000
1	VP huyện ủy (khối đảng)	9.377.464.000											9.377.464.000		
2	TT Bồi dưỡng chính trị	1.172.655.000	712.000.000										460.655.000		
3	Ủy ban Mặt trận TQ	940.362.000											940.362.000		
4	Hội Nông dân	966.995.000											966.995.000		
5	Hội liên hiệp phụ nữ	774.624.000											774.624.000		
6	Huyện Đoàn	808.801.000											808.801.000		
7	Hội cựu chiến binh	589.682.000											589.682.000		
8	VP HĐND - UBND huyện	5.742.854.000											5.742.854.000		
9	Tài chính - Kế hoạch	1.143.368.000								150.000.000			993.368.000		
10	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.570.694.000								540.000.000			1.030.694.000		
11	Thanh tra	937.088.000											937.088.000		
12	Tư pháp	576.019.000											576.019.000		
13	Nội vụ	1.198.019.000											1.198.019.000		
14	Lao động TB & XH	3.677.738.000											757.738.000		2.920.000.000
15	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.077.810.000								108.000.000		108.000.000	969.810.000		
16	P. Văn hóa & Thông tin	598.350.000											598.350.000		
17	Phòng Giáo dục & ĐT	1.747.134.000	544.207.000										1.202.927.000		
18	Hội chữ thập đỏ	472.219.000											472.219.000		
19	Hội người cao tuổi	168.181.000											168.181.000		
20	Hội khuyến học	179.492.000											179.492.000		
21	Công an huyện	278.500.000												278.500.000	
22	Ban Chỉ huy Quân sự	1.806.400.000												1.806.400.000	
23	TT văn hóa thể thao, truyền thanh	1.884.048.000				1.511.748.000	192.090.000	180.210.000							
24	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực	98.299.000.000	15.889.000.000		3.500.000.000	1.291.000.000				62.117.000.000	32.932.000.000		15.502.000.000		
25	TT Y tế huyện	14.973.725.000			14.973.725.000										
26	BĐH Nhà Máy điện	41.387.625.000								40.500.000.000			887.625.000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
27	Trường Mầm Non Sao Mai	3.331.204.000	3.331.204.000												
28	Trường TH Hòn Tre	7.189.672.000	7.189.672.000												
29	Trường TH Trần Quốc Toản	7.576.325.000	7.576.325.000												
30	Trường TH An Sơn	6.086.393.000	6.086.393.000												
31	Trường THCS An Sơn	4.001.547.000	4.001.547.000												
32	Trường TH & THCS Nam Du	6.950.113.000	6.950.113.000												
33	BQL thu gom rác thải và vệ sinh môi trường	0													
34	UBND xã Lại Sơn	6.434.025.000											6.434.025.000		
35	UBND Xã An Sơn	6.104.281.000											6.104.281.000		
36	UBND Xã Nam Du	6.056.168.000											6.056.168.000		
37	Chi dự phòng	3.549.000.000											3.549.000.000		
38	CCTL	8.691.000.000											8.691.000.000		
39	Chi bổ sung mục tiêu các nhiệ	39.564.899.000											39.564.899.000		

UBND HUYỆN KIÊN HẢI
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-PTCKH ngày 19 /01/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Đồng

Đơn vị: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung mục tiêu	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu NS xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4.520.000.000	760.000.000	0	760.000.000	23.107.000.000	738.000.000	0	24.605.000.000
01	UBND xã Hòn Tre	810.000.000	146.000.000		146.000.000	5.596.370.000	268.156.000		6.010.526.000
05	UBND xã Lại Sơn	2.110.000.000	358.000.000		358.000.000	6.013.092.000	62.933.000		6.434.025.000
06	UBND Xã An Sơn	1.060.000.000	160.000.000		160.000.000	5.858.643.000	85.638.000		6.104.281.000
07	UBND Xã Nam Du	540.000.000	96.000.000		96.000.000	5.638.895.000	321.273.000		6.056.168.000